

Số: /SKHCN-VP

Nghệ An, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính năm 2021

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành:

Xác định công tác CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng tâm; Đảng ủy, lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai kịp thời, sâu rộng Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch CCHC năm 2021. Năm 2021, công tác cải cách hành chính được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra và có sự phối hợp của các cấp, các ngành, hướng đến lấy cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp làm trung tâm, đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính. Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành kế hoạch CCHC phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và xác định nội dung trọng tâm, trọng điểm của từng năm trên cơ sở kế hoạch chung của toàn tỉnh nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình CCHC giai đoạn 2021 - 2025. Bên cạnh đó, cơ quan ban hành các kế hoạch riêng, quy định, quy chế theo từng lĩnh vực trong công tác CCHC thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở như kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các quy chế được sửa đổi, bổ sung hàng năm như: Quy chế hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế làm việc, quy chế phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc...

Công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện CCHC được chú trọng; Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện CCHC tại các phòng, đơn vị trực thuộc và hướng dẫn việc tự kiểm tra của các phòng, đơn vị trực thuộc.

Hàng năm, Thanh tra Sở phối hợp các phòng, đơn vị trực thuộc tổ chức 01 cuộc kiểm tra về công vụ tại các đơn vị trực thuộc nhằm giúp các đơn vị trực thuộc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác cải cách hành chính; nhắc nhở, chấn chỉnh và khắc phục một số tồn tại, hạn chế về kỷ cương, kỷ luật hành chính của công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

Hàng tháng các phòng, đơn vị trực thuộc tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC gồm: rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, việc thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, niêm yết, công khai thủ tục hành chính, chất lượng

cung cấp dịch vụ hành chính công, công tác cán bộ, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành, tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001...; văn phòng Sở xác minh, tổng hợp và báo cáo tại các cuộc họp giao ban hàng tháng.

Việc triển khai thực hiện các giải pháp theo Công văn số 4557/UBND-TH ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh nhằm cải thiện chỉ số PARINDEX, SIPAS, PAPI được đẩy mạnh và triển khai thực hiện nghiêm túc. Mỗi năm, cơ quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001. Tổ chức các nhiệm vụ KH&CN đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ công hành chính trên địa bàn tỉnh. Tổ chức xét sáng kiến cấp tỉnh đúng thời gian để tham mưu các sáng kiến lĩnh vực CCHC của tỉnh nhằm triển khai đánh giá và nhân rộng mô hình.

Tiến hành xây dựng Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo các mức độ tự chủ của các đơn vị.

Tiến hành rà soát danh mục vị trí việc làm viên chức trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý và xây dựng bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm theo các vị trí: Người đứng đầu tổ chức KH&CN công lập; Cấp phó của người đứng đầu tổ chức KH&CN công lập; Trưởng phòng và tương đương thuộc tổ chức KH&CN công lập; Phó trưởng phòng và tương đương thuộc tổ chức KH&CN công lập trực thuộc Sở KH&CN.

2. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch

Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Nội vụ về hướng dẫn triển khai, đôn đốc, tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đều được triển khai phổ biến thông qua các cuộc giao ban hàng tháng, website của ngành, hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT-Ioffice và giao trực tiếp các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh (các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị). Kết quả: 49 đơn vị công bố áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; 11 đơn vị công bố áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008.

- Hàng tháng đều có báo cáo đánh giá về thực hiện công tác cải cách hành chính và tổ chức thực hiện của các phòng, đơn vị trực thuộc. Tính đến thời điểm báo cáo kế hoạch thực hiện CCHC tại Sở đảm bảo tiến độ và chất lượng.

Trong năm thực hiện ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 (Kế hoạch số 84/SKHCN-VP ngày 29/01/2021 của GD Sở KH&CN), Kế hoạch

kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 (Kế hoạch số 139/SKHCN-VP ngày 19/02/2021 của GD Sở KH&CN), Thông báo kết luận giao ban hàng tháng (Thông báo số 23/SKHCN-VP ngày 12/01/2021, số 92/SKHCN-

3. Kiểm tra cải cách hành chính

- Căn cứ vào kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, hàng tháng các phòng, đơn vị trực thuộc tự kiểm tra; văn phòng Sở xác minh, tổng hợp và báo cáo tại các cuộc họp giao ban. Trong năm đã ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2021 (Kế hoạch số 85/SKHCN-VP ngày 29/01/2021 của GD Sở KH&CN)

- Đối với các nội dung chỉ đạo đều được các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai nghiêm túc, chất lượng theo đúng thời gian quy định và được thông qua thông báo kết luận giao ban và sinh hoạt cấp ủy định kỳ hàng tháng.

Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021. Kết quả: Tổng số đơn vị đã kiểm tra: 09/09 (Tương Dương, Tân Kỳ, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Ban thi đua khen thưởng, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải). Số đơn vị đã thực hiện công bố HTQLCL phù hợp theo yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015: 07/9 đơn vị. (UBND huyện Quỳnh Hợp, Tương Dương chưa công bố); Kết quả thực hiện theo quy định Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 07/5/2020:

TT	Tên đơn vị	Tiến độ theo quy định	Kết quả thực hiện	Đánh giá
1	UBND huyện Tương Dương	30/6/2021	Chưa công bố	Không đạt
2	UBND huyện Quỳnh Châu	30/6/2021	28/2/2021	Đạt
3	UBND huyện Quỳnh Hợp	31/12/2020	Chưa công bố	Không đạt
4	UBND huyện Nam Đàn	31/12/2020	28/6/2021	Chậm
5	UBND huyện Hưng Nguyên	31/12/2020	01/10/2021	Chậm
6	UBND huyện Tân Kỳ	31/12/2020	26/8/2021	Chậm
7	Sở Giao thông Vận tải	31/12/2020	30/6/2021	Chậm
8	Sở Xây dựng	31/12/2020	09/9/2021	Chậm
9	Ban thi đua khen thưởng	31/12/2020	30/6/2021	Chậm

- Tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật trong công tác phòng, chống tham nhũng đối với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Kết quả công tác phòng chống tham nhũng tại Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cơ bản thực hiện tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, cụ thể: thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; thực hiện nghiêm túc theo các quy định của pháp luật và yêu cầu của cấp trên; đã xây dựng, hoàn thiện các định mức, tiêu

chuẩn cơ bản; thực hiện công tác cải cách hành chính; thực hiện công khai minh bạch trong các lĩnh vực: tài chính, ngân sách, mua sắm tài sản công, xây dựng cơ bản, công tác cán bộ...; đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các quy định về phòng ngừa tham nhũng. Mọi hoạt động của cơ quan đã được công khai, đảm bảo dân chủ bằng các hình thức theo quy định; Chi cục đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động cải cách hành chính và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Chi cục chấp hành tốt nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan.

- Tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động truyền thông thông tin đối với Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An. Hoạt động xuất bản, phát hành Chuyên san Khoa học xã hội và Nhân văn cơ bản đúng theo quy định của Thông tư số 48/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, mở rộng chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san. Các hoạt động về tin, bài có nội dung phong phú, hình thức trình bày đẹp. Chuyên san đã thực hiện đúng mục đích, nội dung thông tin tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, góp phần nâng cao kiến thức của cộng đồng; góp phần quảng bá hoạt động khoa học xã hội và nhân văn của tỉnh Nghệ An đến nhiều bạn đọc quan tâm.

4. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 (Kế hoạch số 27/SKHCN-VP ngày 14/01/2021 của GD Sở KH&CN) Tuyên truyền các văn bản chỉ đạo, kế hoạch và nội dung liên quan cải cách hành chính đến công chức thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT-Ioffice, website của ngành, đơn vị như: Quyết định số 4879/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính (CCHC) Nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021; Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh về việc tuyên truyền CCCHC nhà nước tỉnh Nghệ An năm 2021, Kế hoạch số 527/KH-UBND ngày 17/9/2021 về Truyền thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch số 84/SKHCN-VP, ngày 29/01/2021 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch CCHC Nhà nước Sở Khoa học và Công nghệ năm 2021...

Năm 2021, cơ quan tổ chức 3 lớp tập huấn về chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; 21 lớp tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ

An và Nghị quyết 12/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2025 nhằm hỗ trợ các cá nhân tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hàng tháng, Sở Khoa học và Công nghệ đôn đốc các phòng, ban, đơn vị về công tác cải cách hành chính, thường xuyên rà soát và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các buổi họp giao ban, sinh hoạt chi bộ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành đã ban hành đề tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành mới đảm bảo tiến bộ, đồng bộ, khả thi. Cụ thể kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý; Tổng số văn bản QPPL đã kiểm tra, rà soát: 28. Trong đó: Số văn bản giữ nguyên: 23 văn bản; Số văn bản kiến nghị cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, thay thế: 05 Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ; Số văn bản kiến nghị bãi bỏ, hủy bỏ: 0 văn bản

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, hệ thống hóa, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN đáp ứng yêu cầu CCHC. Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng quản lý của ngành được thực hiện đúng quy trình, thủ tục theo quy định pháp luật và đảm bảo về thời gian, chất lượng văn bản được ban hành. Cơ quan thường xuyên rà soát, xem xét nội dung, tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những nội dung không phù hợp, đảm bảo tính khả thi cao của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành.

Rà soát, tham mưu bổ sung, sửa đổi Quyết định thay thế Quyết định 03/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An để phù hợp Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BKH&CN ngày 01/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 về việc Kế hoạch thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý Hệ thống Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030” theo Quyết định 100 ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và

chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án liên quan đến các sản phẩm OCOP; Quyết định 04/2021/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 Quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế liên thông

Triển khai nghiêm túc kế hoạch cải cách thủ tục hành chính của tỉnh, thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất. thời hạn giải quyết các thủ tục hành chính đúng với thời gian quy định, không có hiện tượng trả chậm. Thường xuyên rà soát TTHC để tham mưu UBND tỉnh công bố mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC. Từ năm 2011 đến nay, UBND tỉnh 3 lần sửa đổi các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Hiện tại, cơ quan có 28 TTHC được ban hành trong quyết định số 4617/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 08/11/2019 về việc công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

Tất cả TTHC của Sở được tiếp nhận và giải quyết thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa và bố trí 02 công chức trực. Do số lượng hồ sơ không nhiều nên 2 công chức tại Bộ phận một cửa trực tiếp tiếp nhận và xử lý hầu hết hồ sơ TTHC, chỉ 01 TTHC về hợp đồng chuyển giao công nghệ xử lý tại phòng chuyên môn. Bộ phận một cửa được trang bị đầy đủ thiết bị; công chức được đào tạo bồi dưỡng các kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn và được chi trả chế độ đúng theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND và Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh, đảm bảo hiện đại hóa công sở, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình tiếp nhận, xử lý, giải quyết công việc cho tổ chức, cá nhân.

Cơ quan thực hiện công bố, công khai đầy đủ 28/28 TTHC và các loại giấy tờ, biểu mẫu, quy trình, thời gian giải quyết, phí và lệ phí theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả theo cơ chế một cửa, trên Cổng thông tin điện tử dịch vụ công của tỉnh và trên website của ngành tại địa chỉ ngheandost.gov.vn tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân biết, triển khai và theo dõi, giám sát việc thực hiện.

Cơ quan thực hiện nghiêm túc kế hoạch CCHC của tỉnh, của ngành, kế hoạch kiểm soát TTHC của tỉnh, của ngành, và thực hiện đầy đủ nghiêm túc, đầy đủ và chất lượng chế độ báo cáo định kỳ, nhiệm vụ đột xuất về công tác CCHC khi có yêu cầu.

Sở Khoa học và Công nghệ rà soát TTHC, cắt giảm 20% thời gian giải quyết (từ 30 ngày xuống 24 ngày, từ 10 ngày xuống 8 ngày) và cắt giảm hồ sơ: các bản dịch các tài liệu tiếng nước ngoài trong 4 TTHC thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân gồm: Cấp giấy phép sử dụng thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế, Cấp gia hạn giấy phép sử dụng thiết bị X-quang trong

chẩn đoán y tế, Cấp lại giấy phép sử dụng thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế, Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng thiết bị X-quang trong chẩn đoán y tế.

Sở thực hiện dịch vụ công mức độ 3 cho 12/28 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 4 cho 7/28 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

- Trong năm 2021, chưa có đơn thư hay phản ánh nào của tổ chức, cá nhân liên quan đến tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính tại bộ phận 1 cửa.

- Các yêu cầu, nhiệm vụ đột xuất về cải cách thủ tục hành chính được Sở thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và chất lượng.

- Phân công người đứng đầu cơ quan, đơn vị phụ trách công tác CCHC và bố trí công chức chuyên trách tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác CCHC. Thực hiện đầy đủ việc chi trả chế độ phụ cấp cho cán bộ phụ trách đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính và cán bộ tham gia công tác 1 cửa liên thông tỉnh.

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC năm 2021 tại Trung tâm hành chính công và 1 cửa của đơn vị: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết quyết: 87 hồ sơ; trong đó: 38 hồ sơ thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân, 4 hồ sơ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, 45 hồ sơ thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Trả đúng hạn: 85 hồ sơ; trả quá hạn: 0 hồ sơ; Số hồ sơ trong hạn tại thời điểm báo cáo: 02 hồ sơ.

Hàng năm triển khai thực hiện nhiệm vụ điều tra về mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ hành chính công tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Kết quả điều tra cho thấy tổ chức, cá nhân hài lòng với chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công. Năm 2020 -2021 chủ trì phối hợp với VCCI, Hội Doanh nghiệp triển khai Đề án Đánh giá năng lực cạnh tranh của chính quyền địa phương và Sở, ban, ngành tỉnh Nghệ An- DDCI.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Sở Khoa học và Công nghệ rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 5029/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 về phê duyệt đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2018 - 2021 và những năm tiếp theo. Năm 2021 trình UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 04/01/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An và chức năng nhiệm vụ của Chi cục và các đơn vị trực thuộc theo Thông tư 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ KH&CN.

- Về kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, cơ quan tiến hành sát nhập một số phòng chuyên môn cấp đơn vị. Năm 2021 tiến hành Sát nhập 2

phòng của Trung tâm Thông tin KHCN và tin học Sàn Giao dịch công nghệ và Thiết bị và Phòng Hành chính - Quản trị (Quyết định số 62 /QĐ-TTKHCN ngày 28/7/2021 của GD Trung tâm thông tin KHCN và Tin học), Sát nhập 2 phòng của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn (QĐ số 61/QĐ-KHXXH&NV ngày 21/6/2021 về việc sát nhập Phòng Kinh tế học-Xã hội học và phát triển và Phòng Hành chính - Tổng hợp và Hợp tác nghiên cứu khoa học, đào tạo thành Phòng Kinh tế học-Xã hội học và Hợp tác đào tạo) phù hợp với quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tham mưu UBND tỉnh, Sở Nội vụ cho phép điều chuyển 03 biên chế công chức của Chi cục lên Văn phòng sở nhằm đảm bảo số người làm việc của các phòng chuyên môn thuộc Sở.

Về tình hình quản lý biên chế, lãnh đạo quản lý: đánh giá về số lượng cấp trưởng, cấp phó tại tất cả các đơn vị, cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ phù hợp. Không có phòng ban, đơn vị nào thừa cấp phó. Số lượng lãnh đạo quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chức năng nhiệm vụ là 69 vị trí; hiện tại đến thời điểm 31/12/2019 mới chỉ có 46 vị trí thiếu 23 vị trí. Tuy nhiên để đi vào ổn định cần đề bạt bổ sung cán bộ phù hợp với loại hình hoạt động của từng phòng ban đơn vị. Thực hiện dừng bổ nhiệm mới cấp phó theo chủ trương chỉ đạo của các cơ quan, các cấp có thẩm quyền.

- Việc ban hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị (Quy chế làm việc; Quy chế phối hợp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị; Quy chế dân chủ cơ sở; Quy chế quản lý tài chính, tài sản; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế hoạt động của các phòng, ban, đơn vị; Chương trình công tác năm, quý, hàng tháng của UBND huyện và các phòng, ban, đơn vị...).

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc các phòng ban, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo chức năng và được phân công đảm bảo yêu cầu đề ra.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCC) của ngành có bước trưởng thành, phát triển, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, ngành nghề, trình độ, lĩnh vực công tác có sự cân đối phù hợp với trình độ và vị trí việc làm; nguồn cán bộ quy hoạch nhiều hơn, cơ bản bảo đảm sự kế thừa. Đội ngũ CBCCVC có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ, năng lực, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đa số cán bộ lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, có năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức và uy tín.

Số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được giao; được tuyển dụng đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Số biên chế công chức có mặt tại thời điểm báo cáo là 37 người; số biên chế công chức chưa sử dụng là 3 người. Số biên chế viên chức có mặt tại là 41 người; số biên chế viên chức chưa sử dụng là 4 người.

Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm; các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức. Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng vị trí việc làm và trình độ, chuyên môn được đào tạo. Việc điều động, bổ trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức công khai, minh bạch, gắn với nhu cầu công việc, vị trí việc làm; số lượng chức danh chuyên môn cần tuyển, chỉ tiêu biên chế được giao và quy trình, điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng. Năm 2021 chưa thực hiện việc tuyển dụng biên chế công chức và viên chức.

Chế độ, chính sách tiền lương, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng và kỷ luật đã được triển khai thực hiện kịp thời, thường xuyên, nhằm đảm bảo quyền lợi và động viên, khuyến khích, giúp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm công tác, cống hiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác tuyển dụng, kỷ luật, nâng lương, khen thưởng ... đều được thực hiện theo đúng quy trình và lấy ý kiến đóng góp của tập thể và thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín để đảm bảo quyền lợi và sự công bằng của công chức, viên chức và người lao động, tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao trong hầu hết công chức, viên chức và người lao động.

Hàng năm, cơ quan ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng và các quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác.

Năm 2021 cử từ 20 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng và tận tụy, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Cơ quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trưởng các phòng, đơn vị thuộc thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc thực hiện thời gian làm việc theo quy định; chỉ đạo, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ được phân công hoàn thành theo thời hạn yêu cầu và đảm bảo chất lượng.

- Sở thực hiện đầy đủ các quy định về khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách về nâng ngạch, thăng hạng chức danh nghề nghiệp tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với công chức, viên chức và người lao động của ngành. Cụ thể năm 2021: 02 cán bộ được nâng hạng Chuyên viên lên CVC, 01 cán bộ nâng kỹ sư hạng IV lên hạng III; Thẩm định lên lương cho 01 CVC; 10 công chức và 8 viên chức; tham mưu hỗ trợ chế độ thai sản cho 002 công chức và 01 viên chức...)

5. Cải cách tài chính công

5.1. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 tại ngành

Hướng dẫn các phòng ban, đơn vị hoàn thành thủ tục thanh quyết toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2021.

Các chế độ tài chính được thực hiện công khai, minh bạch.

Tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý thực hiện cơ chế tự chủ, và tiến hành công khai, minh bạch về quản lý ngân sách, thu chi tài chính tại đơn vị.

Các đơn vị đã thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công và các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu thập cho người lao động, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động.

5.2. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP; Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 54/2016/NĐ-CP về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ.

Sở có 4 đơn vị sự nghiệp, theo cơ chế tự chủ gồm 1 đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên (Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ), 2 đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần chi thường xuyên (Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ và Tin học và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng), 1 đơn vị ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn).

Hiện nay các đơn vị thuộc sở đang xây dựng phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

6. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCC) của ngành có bước trưởng thành, phát triển, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, ngành nghề, trình độ, lĩnh vực công tác có sự cân đối phù hợp với trình độ và vị trí việc làm; nguồn cán bộ quy hoạch nhiều hơn, cơ bản bảo đảm sự kế thừa.

Đội ngũ CBCCVC có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống, gương mẫu, có ý thức tổ chức kỷ luật, luôn tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ, năng lực, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đa số cán bộ lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền, có năng lực lãnh đạo, phẩm chất đạo đức và uy tín.

Số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức được sử dụng trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được giao; được tuyển dụng đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Số lượng cán bộ công chức, viên chức từng bước được tinh giảm, có cơ cấu hợp lý. Số biên chế công chức có mặt tại thời điểm 31/07/2021 là 37 người; số biên chế công chức chưa sử dụng là 3 người. Số biên chế viên chức có mặt tại thời điểm 31/12/2021 là 41 người; số biên chế viên chức chưa sử dụng là 4 người.

Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các quy định về sử dụng, bổ nhiệm; các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức. Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng vị trí việc làm và trình độ, chuyên môn được đào tạo. Việc điều động, bổ trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức công khai, minh bạch, gắn với nhu cầu công việc, vị trí việc làm; số lượng chức danh chuyên môn cần tuyển, chỉ tiêu biên chế được giao và quy trình, điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng. Năm 2021 chưa thực hiện việc tuyển dụng biên chế công chức và viên chức.

Chế độ, chính sách tiền lương, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng và kỷ luật đã được triển khai thực hiện kịp thời, thường xuyên, nhằm đảm bảo quyền lợi và động viên, khuyến khích, giúp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động yên tâm công tác, cống hiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác tuyển dụng, kỷ luật, nâng lương, khen thưởng ... đều được thực hiện theo đúng quy trình và lấy ý kiến đóng góp của tập thể và thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín để đảm bảo quyền lợi và sự công bằng của công chức, viên chức và người lao động, tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao trong hầu hết công chức, viên chức và người lao động.

Hàng năm, cơ quan ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ đảm bảo đúng quy định.

Mỗi năm, Sở Khoa học và Công nghệ cử từ 50 - 60 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng và tận tụy, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Cơ quan thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Trưởng các phòng, đơn vị thuộc thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc thực hiện thời gian làm việc theo quy định; chỉ đạo, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ được phân công hoàn thành theo thời hạn yêu cầu và đảm bảo chất lượng.

7. Hiện địa hóa hành chính

Dữ liệu về các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ được cập nhật liên tục vào thư viện điện tử Khoa học xã hội và nhân văn và thư viện khoa học công nghệ.

Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và chuyển đổi sang phiên bản ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh (các sở, ngành, UBND các huyện, thành, thị). Xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho UBND cấp xã. Kết quả chuyển đổi, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn tỉnh, đến nay có 36/60 đơn vị cấp tỉnh, huyện, trong đó 9/21 đơn vị cấp huyện đã thực hiện chuyển đổi. Năm 2021 tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 2908/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2021 nhằm đẩy mạnh việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh

7.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị

Toàn thể công chức, viên chức và người lao động của Sở sử dụng phần mềm VNPT-Ioffice trong quản lý và điều hành công việc. Hộp thư công vụ được sử dụng trong trao đổi văn bản liên quan đến thực thi nhiệm vụ được giao. Năm 2021 khắc phục kiến nghị của Đoàn kiểm tra CCHC của Sở Nội vụ tiến hành triển khai kế hoạch 98% văn bản phát hành bằng chữ ký số.

Đưa vào khai thác hoạt động phòng studio thuộc Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ và Tin học để kịp thời cập nhật thông tin bằng hình ảnh của hoạt động khoa học và công nghệ.

Trên cổng thông tin điện tử của Sở, có 12/28 thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho 2 lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân được triển khai thực hiện và triển khai 7/28 TTHC mức độ 4. Các tin bài về hoạt động khoa học công nghệ và ứng dụng khoa học công nghệ được cập nhật đầy đủ và thường xuyên và liên thông với cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Dữ liệu về các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ được cập nhật liên tục vào thư viện điện tử Khoa học xã hội và nhân văn và thư viện khoa học công nghệ.

7.2. Xây dựng, áp dụng, duy trì, mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo ISO 9000 tại các cơ quan hành chính Nhà nước, phục vụ công tác cải cách hành chính của tỉnh. Tổ chức triển khai Kế hoạch số 1410/QĐ-UBND ngày 07/05/2020 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2021. Kết quả: 49 đơn vị công bố áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; 11 đơn vị công bố áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008. Việc triển khai áp dụng tại các phường, xã chưa được thực hiện do chưa được bố trí kinh phí.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động CCHC được xem là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên đổi mới, chú trọng hiệu quả, giảm thủ tục hình thức của các cấp trong toàn ngành. Sở đã chủ động, kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch về CCHC phù hợp với thực tiễn đơn vị, lựa chọn triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm, triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của bộ ngành, UBND tỉnh.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện CCHC. Các nhiệm vụ trọng tâm của CCHC đã được triển khai đồng bộ, kịp thời đến từng phòng, đơn vị trực thuộc và từng cán bộ, công chức, viên chức liên quan.

Việc kiểm tra tình hình thực hiện CCHC được tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, nghiêm túc và có hiệu quả, kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và đưa ra các giải pháp khắc phục.

Công tác tuyên truyền CCHC được đẩy mạnh, góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về CCHC. Công tác CCHC ngày càng được nâng cao, chất lượng tham mưu được nâng lên, chú trọng chiều sâu, đảm bảo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, chính sách của tỉnh. Chế độ thông tin báo cáo được thực hiện đầy đủ.

Công tác tham mưu xây dựng và rà soát văn bản quy phạm pháp luật được tiến hành thường xuyên, kịp thời khi có sự thay đổi của luật và các văn bản hướng dẫn.

Công tác cải cách thủ tục hành chính được chú trọng đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ đối với tổ chức, cá nhân. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giải quyết TTHC đảm bảo đúng quy trình, cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ và cắt giảm một số thành phần hồ sơ không cần thiết.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn đã nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, việc chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện nghiêm túc. Từ đó nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao ý thức, trách nhiệm và thái độ trong thực thi công việc, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của nền hành chính công.

Thực hiện theo cơ chế tự chủ, các đơn vị khoa học công nghệ trực thuộc đã được quyền chủ động, thu nhập bình quân của người lao động từng bước cải thiện; việc chi trả thu nhập cho từng người lao động gắn với hiệu quả công tác, đã hạn chế việc chi trả bình quân, góp phần động viên viên chức, người lao động phát huy năng lực trong công tác, thu hút được lao động có trình độ vào làm việc.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và xử lý công việc giúp tiết kiệm thời gian, công sức khi thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Cơ chế một cửa được duy trì, từng bước khắc phục những hạn chế, yếu kém, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

Tất cả các cơ quan hành chính nhà nước đã tuân thủ việc triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001. Các phòng triển khai công việc đảm bảo theo đúng quy trình, tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức trong việc chủ động thực hiện nhiệm vụ và kiểm tra chất lượng công việc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC NĂM 2022

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Triển khai thực hiện tốt cuộc vận động công chức, viên chức, người lao động của ngành khoa học và công nghệ tích cực tham gia cải cách thủ tục hành chính nâng cao chất lượng phục vụ cá nhân, tổ chức.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của ngành đã ban hành để tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành mới đảm bảo tiến bộ, đồng bộ, khả thi.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Sở.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 1410/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi, áp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn

TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020 -2021.

- Tăng số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến, tăng số lượng thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công ở mức độ 3 và 4.

- Tiếp tục kêu gọi, đề xuất sáng kiến, giải pháp mới về công tác cải cách hành chính.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Trên đây là báo cáo thực hiện CCHC năm 2021 của Sở KH&CN kính đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- GD và các PGD;
- Trưởng các phòng và đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Viết Hùng

Phụ lục 01

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Số liệu	Ghi chú
1	Công tác chỉ đạo, kiểm tra, tuyên truyền			
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính			
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	
1.2	Số văn bản chỉ đạo, triển khai CCHC đã ban hành	Văn bản	16	Kế hoạch CCHC (Kế hoạch số 84/SKHCN-VP ngày 29/01/2021 của GD Sở KH&CN), Kế hoạch kiểm soát TTHC (Kế hoạch số 139/SKHCN-VP ngày 19/02/2021 của GD Sở KH&CN), Kế hoạch tuyên truyền CCHC (Kế hoạch số 27/SKHCN-VP ngày 14/01/2021 của GD Sở KH&CN), Kế hoạch kiểm tra CCHC (Kế hoạch số 85/SKHCN-VP ngày 29/01/2021 của GD Sở KH&CN), Thông báo kết luận giao ban hàng tháng (Thông báo số 23/SKHCN-VP ngày 12/01/2021, số 92/SKHCN-VP ngày 02/02/2021, số 191/SKHCN-VP ngày 02/3/2021) Thông báo kết luận giao ban hàng tháng (Thông báo số 23/SKHCN-VP ngày 12/01/2021, số 92/SKHCN-VP ngày 02/02/2021, số 191/SKHCN-VP ngày 02/3/2021)....
1.3	Số cuộc hội nghị, giao ban về công tác CCHC	Cuộc	14	12 Hội nghị giao ban; 12 Hội nghị sinh hoạt chi bộ và Sở kết 6 tháng, 10 tháng về kiểm điểm điều hành
1.4	Số cuộc kiểm tra CCHC đã thực hiện	Cuộc	3	02 cuộc kiểm tra chấn chỉnh kỷ cương hành chính, phòng chống tiết kiệm, thực thi nhiệm vụ chuyên môn tại 02 đơn vị thuộc Sở; 01 cuộc kiểm tra việc duy trì áp dụng ISO tại 09 đơn vị Sở ngành, huyện thị trên địa bàn tỉnh
1.4.1	Số phòng, ban, đơn vị đã được kiểm tra	Đơn vị	11	02 đơn vị thuộc sở; 03 Sở, ngành; 06 đơn vị huyện, thị
1.4.2	Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	8	
1.4.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	6	

1.5	Tuyên truyền cải cách hành chính	Số lượt	36	Thông qua cuộc giao ban hàng tháng, cuộc họp chi bộ, website của ngành, hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT-Ioffice, văn bản triển khai công việc; Tạp chí truyền hình hàng tháng trên NTV
1.6	Sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC được phê duyệt và áp dụng	Sáng kiến	6	
1.7	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
1.7.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	6	
1.7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	5	
1.7.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	1	
1.7.4	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.8	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.8.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1570	Đánh giá năng lực cạnh tranh của chính quyền địa phương và sở, ban, ngành tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 (DDCI - Department and District Competitiveness Index)".
1.8.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
1.9	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số văn bản QPPL đã tham mưu UBND tỉnh ban hành:	Văn bản	1	Quyết định 04/2021/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 Quy định một số chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân
2.1.1	Ban hành đúng thời gian	Văn bản	1	

2.1.2	Ban hành chậm	Văn bản	0	đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 về việc Kế hoạch thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý Hệ thống Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa” trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030”; Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 về phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền. Trong đó:	Văn bản	28	
2.2.1	Văn bản hết hiệu lực toàn bộ	Văn bản	0	
2.2.2	Văn bản còn hiệu lực thi hành	Văn bản	23	
2.2.3	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Văn bản	5	
2.2.4	Văn bản bãi bỏ, hủy bỏ	Văn bản	0	
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	28	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.1	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.	Thủ tục	28	
3.1.1	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	Thủ tục	28	
3.1.2	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	Thủ tục	28	
Trong đó	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.1.3	Số TTHC công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc tại bộ phận một cửa	Thủ tục	28	
3.1.4	Số TTHC công khai trên cổng thông tin điện tử đơn vị	Thủ tục	28	
3.2	Số thủ tục hành chính đã rà soát	Thủ tục		
3.3	Số thủ tục hành chính có kiến nghị đơn giản hóa	Thủ tục		

3.4	Số thủ tục hành chính đã tham mưu công bố. Trong đó:	Thủ tục	28	QĐ số 4617/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của UBND tỉnh Nghệ An về việc công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN tỉnh Nghệ An
3.4.1	TTHC mới	Thủ tục	28	
3.4.2	TTHC sửa đổi, bổ sung	Thủ tục		
3.4.3	TTHC thay thế	Thủ tục		
3.5	Tổng số hồ sơ giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa.	Hồ sơ	87	38 hồ sơ thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân, 4 hồ sơ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, 45 hồ sơ thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.
3.5.1	Số hồ sơ trả đúng hạn và trước hạn	Hồ sơ	85	
3.5.2	Số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết	Hồ sơ	2	
3.5.3	Số hồ sơ quá hạn	Hồ sơ	0	
3.5.4	Số hồ sơ tồn đọng	Hồ sơ	0	
3.6	Tổng số hồ sơ giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông.	Hồ sơ	83	Bao gồm cả hồ sơ kỳ trước chuyển qua
3.6.1	Số hồ sơ trả đúng hạn và trước hạn	Hồ sơ	81	
3.6.2	Số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết	Hồ sơ	2	
3.6.3	Số hồ sơ quá hạn	Hồ sơ	0	
3.6.4	Số hồ sơ tồn đọng	Hồ sơ	0	
3.7	Ban hành văn bản xin lỗi người dân, tổ chức khi đề xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC do lỗi chủ quan	Văn bản/Tổng số HS	0	Ghi rõ số VB/Tổng số HS chậm
4	Cải cách tổ chức bộ máy			
4.1	Số Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở, ngành	Đơn vị	4	
4.2	Số phòng, ban, đơn vị đã ban hành, sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động phục vụ công tác quản lý	Đơn vị	4	
4.3	Số đơn vị được thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể:	Đơn vị	2	Tổ chức sát nhập phòng tại 02 đơn vị sự nghiệp
4.3.1	Thành lập mới	Đơn vị	0	
4.3.2	Sáp nhập	Đơn vị	2	
4.3.3	Chia tách, giải thể	Đơn vị	0	
4.4	Số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ngành đã được phê duyệt đề án vị trí việc làm	Đơn vị/Tổng số đơn vị	4/4	Số ĐV được phê duyệt/Tổng số ĐV

4.5	Số đơn vị sự nghiệp được phê duyệt cơ cấu, số lượng người được tuyển dụng	Đơn vị/Tổng số đơn vị	4/4	
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức (CC, VC)			
5.1	Số liệu về biên chế công chức			
5.1.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	40	
5.1.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	37	
5.1.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan HCNN	Người	3	
5.2	Kết quả thực hiện việc tinh giản biên chế			
5.2.1	Số người nghỉ hưởng chính sách	Người		
5.2.2	Tổng kinh phí	Triệu đồng		
5.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc		31	
5.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	108	
5.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	132	
5.4	Số liệu tuyển dụng công chức, viên chức (CC, VC):	Người	70	
5.4.1	Số CC được tuyển dụng qua thi tuyển	Người	0	
5.4.2	Số CC được tuyển dụng qua xét tuyển, chuyển chuyên	Người	0	
5.4.3	Số CC được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.4.4	Số VC được tuyển dụng qua thi tuyển	Người	0	
5.4.5	Số VC được tuyển dụng qua xét tuyển, chuyển chuyên	Người	0	
5.4.6	Số VC được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.5	Số liệu về bổ nhiệm công chức	Người	14	
5.5.1	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.5.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	14	
5.5.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành hiện có	Người	11	
5.6	Số CCVC chuyển chuyên, điều động	Người	0	
5.7	Số CCVC nghỉ hưu theo chế độ Bảo hiểm XH	Người	0	
5.8	Số liệu về xử lý kỷ luật CCVC:	Người	0	

5.8.1	Số CCVC đã thi hành kỷ luật ở các mức theo quy định	Người	0	
5.8.2	Số CCVC buộc thôi việc	Người	0	
5.9	Số CCVC tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng	Người	24	
5.10	Số CCVC chuyển đổi định kỳ vị trí công tác theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính:			
6.1.1	Số đơn vị đã thực hiện (gồm cả các đơn vị trực thuộc)	Đơn vị	6	
6.1.2	Số đơn vị chưa thực hiện	Đơn vị	0	
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc Sở, ngành	Đơn vị	3	
6.2.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
6.2.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ
6.2.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	2	Trung tâm Thông tin KH&CN và tin học, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng
6.2.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	1	Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn
6.2.5	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
6.3	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị	Không = 0 Có = 1	1	QĐ số 24/QĐ-SKHCN ngày 14/3/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ
7	Hiện đại hoá công sở			
7.1	Tổng số dịch vụ hành chính công đã cung cấp trên cổng dịch vụ công của tỉnh:	Dịch vụ	28	
7.1.1	Dịch vụ công mức độ 1, mức độ 2	Dịch vụ	9	
7.1.2	Dịch vụ công mức độ 3	Dịch vụ	12	
7.1.3	Dịch vụ công mức độ 4	Dịch vụ	7	

7.2	Tổng số hồ sơ giải quyết theo mức độ 3 trên cổng dịch vụ công trực tuyến:	Hồ sơ	20	
7.2.1	Số hồ sơ trả trước hạn và đúng hạn	Hồ sơ	1	
7.2.2	Số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết	Hồ sơ		
7.2.3	Số hồ sơ trả quá hạn	Hồ sơ		
7.3	Tổng số hồ sơ giải quyết theo mức độ 4 trên cổng dịch vụ công trực tuyến:	Hồ sơ		
7.3.1	Số hồ sơ trả trước hạn và đúng hạn	Hồ sơ		
7.3.2	Số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết	Hồ sơ		
7.3.3	Số hồ sơ trả quá hạn	Hồ sơ		
7.4	Tổng số văn bản hành chính đã phát hành của cơ quan, đơn vị trong kỳ báo cáo	Văn bản	998	
7.4.1	Tổng số văn bản đi đã phát hành trong kỳ báo cáo	Văn bản	998	
7.4.2	Tổng số văn bản đi được ký số trong kỳ báo cáo	Văn bản	100	
7.5	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
7.5.1	Tổng số TTHC đã triển khai dịch vụ BCCI	TTHC	28	
7.5.2	Tổng số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	TTHC		
7.5.3	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Hồ sơ	87	Hồ sơ TTHC đã triển khai dịch vụ BCCI có phát sinh nhận/ trả trong kỳ báo cáo
7.5.4	Tổng số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
7.5.5	Tổng số hồ sơ TTHC đã trả kết quả trong kỳ báo cáo	Hồ sơ	87	
7.5.6	Tổng số hồ sơ TTHC trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	20	
7.6	Tổng số quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001 hiện có, trong đó:	Quy trình	11	
7.6.1	Số quy trình đã được rà soát, đánh giá nội bộ, cải tiến	Quy trình	11	
7.6.2	Số quy trình xây dựng, ban hành mới	Quy trình		
7.7	Số cuộc họp, hội nghị, giao ban trực tuyến đã tham gia hoặc thực hiện	Cuộc	30	Tổ chức các Hội đồng nghiệm thu, tuyển chọn và hội thảo trực tuyến, Hội nghị góp ý Thông tư Bộ KH&CN; Quy hoạch KH&CN ...tại

				Hội trường tầng 3 Sở KH&CN
--	--	--	--	----------------------------

Phụ lục 01e

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021
(Báo cáo số liệu chung toàn tỉnh)

STT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Kết quả	Ghi chú
8	Một số nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý			
8.1	Tổng số đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đã áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001/Tổng số đơn vị phải áp dụng	Đơn vị/Tổng số đơn vị	60/60	

8.2	Tổng số CQ cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện đã thực hiện việc chuyển đổi phiên bản từ ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015	Đơn vị	49/60	
8.3	Số CQ cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã thực hiện công bố ISO 9001 đúng quy định/ Tổng số đơn vị	Đơn vị/Tổng số đơn vị	60/60	
8.4	Số CQ cấp tỉnh, đơn vị cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	Đơn vị/Tổng số đơn vị	60/60	